

Phụ lục 2: Danh sách trạm và địa chỉ tương ứng

Số của trạm (Tên trạm)	Vị trí đặt trạm (số phòng, tên khoa)	SĐT
101	B1- P.013 Phòng nhân viên nhập hàng	1813
TẦNG 1		
116	T1- P.088 Khoa cấp cứu – phòng chứa và chuẩn bị thuốc	1189/1190
117	T1- P.010 Chẩn đoán hình ảnh	1172
201	T1- P.168 Khu Heal Check	1069
119	T1- P.200 Điều trị trong ngày (trạm freerun)	
118	T1- P.208 Điều trị trong ngày	1187
106	T1- P.245 Khoa dược – Kho	1194
103	T1- P.225 Khu vực xét nghiệm (chỉ nhận)	1179
104	T1- P.225 Khu vực xét nghiệm (chỉ gửi VIP)	1179
105	T1- P.225 Khu vực xét nghiệm (chỉ gửi)	1179
TẦNG 2		
107	T2- P.181 Khu vực phòng mổ.	
108	T2- P.180 Khu vực phòng mổ	
102	T2- P.209 Hậu phẫu mổ tổng hợp	2025
209	T2- T202 Phẫu thuật trong ngày	
208	T2- P.199 Phẫu thuật trong ngày	
212	T2- P.123 Vô trùng	
213	T2- P.055a Hồi sức tim (CCU)	2192
214	T2- P.064a ICU ngoại	2195
123	T2- P.077a ICU nội	
122	T2- P.089a Phòng phụ thuộc cao (HDU)	
121	T2- Khu Phòng sinh	2101
TẦNG 3		
109	T3- P.143 P.lấy bệnh phẩm	3061
101	T3- P.073 Khoa Vật lý trị liệu	3088
TẦNG 4		

110	T4- P.133	P.lấy bệnh phẩm	4241
210	T4- P.119	Khu VIP	4133
TẦNG 5			
111	T5- P.172	Khoa nội trú Nội chung	5097
112	T5- P.068	Khoa NICU	5167
113	T5- P.253	Khoa nội trú Nhi 2	5243
218	T5- P.036	Khoa nội trú Sản 1	5238
203	T5- P.219	Ngoại nội trú Nhi 1	5023
221	T5- P.101	Khoa nội trú NICU 2	5237
TẦNG 6			
114	T6- P.265	Khoa ngoại và tiết niệu	
120	T6- P.164	Đa khoa 1	
217	T6- P.034	Khoa sản 2	6137
206	T6- P.211	Khoa nội trú Ngoại	6021
220	T6- P.093	Khoa nội trú Nhi 3	6237
TẦNG 7			
115	T7- P.254	Cấp phát thuốc	
124	T7- P.154	Khoa nội trú Ung Bướu	7098
216	T7- P.036	Khoa sản	
207	T7- P.201	Khoa nội 2	
219	T7- P.087	Khoa Tim	